

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 570/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11/9/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy

2. Ông Ngô Hữu Quang

Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 011 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương H, sinh năm 1980 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn M, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 4NH đường số L, tổ 17, khu phố 5, phường T, Quận 7, Thành phố HCM.

Cùng tạm trú: A đường Q, khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương H trình bày: tại bản tự khai:

Bà H và ông Nguyễn M qua thời gian tìm hiểu nhau được 01 (một) năm, thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, nhưng đến năm 2010 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyền số 01/2010, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện CG, Thành phố HCM cấp ngày 28/12/2010).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 10 (mười) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông M thiếu trách nhiệm với gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau.

Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Năm 2019, bà có nộp đơn ly hôn ông M tại Tòa án nhân dân Quận 7 nhưng sau đó bà được Tòa án hòa giải nên bà rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục được.

Bà xác định tình cảm vợ chồng là không còn và không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông M.

- Về con chung: có 02 (hai) con chung, họ tên là Nguyễn K. — (nam) sinh ngày 15/9/2005 và Nguyễn A (nam) sinh ngày 07/5/2016.

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn là bà Trương H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 27/7/2020.

Bị đơn ông M vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, Điều 204, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211, Điều 220, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập đúng quy định nhưng tại phiên Tòa hôm nay vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Bà H và ông M qua thời gian quen biết, tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2004, có tổ chức đám cưới, nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 87 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện CG, TP.HCM cấp, cấp ngày 28/12/2010).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Minh không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống.

Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 15/9/2005 (nam) và Nguyễn A, sinh ngày 07/5/2016 (nam).

Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con chung, bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời trẻ K có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy yêu cầu này của bà H là có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

Với các chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn là Nguyễn M cư ngụ tại A đường Q, khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố HCM thì đây là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về hình thức:

Nguyên đơn là bà Trương H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là ông Nguyễn M mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. ~~Xét~~ Về quan hệ hôn nhân:

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện CG, Thành phố HCM cấp ngày 28/12/2010 có đủ cơ sở để xác định bà Trương H và ông Nguyễn M là vợ chồng hợp pháp.

- Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường T, Quận 7 và theo bà H trình bày thì quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay gây gổ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 10 (mười) năm nay đến tháng 3 năm 2020 thì ông M bỏ đi, không rõ nơi đến, nên khả năng đoàn tụ không có, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống chung cũng không mang lại hạnh phúc,

- Căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vụ án thụ lý đã lâu, Tòa án đã nhiều lần động viên, phân tích, nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

~~- Xét,~~ Ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông M đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử lấy lời khai của nguyên đơn bà Trương H về mâu thuẫn vợ chồng làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Xét, mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mặt khác bà Trương H và ông M đã không còn chung sống một nhà với nhau từ năm 2010 đến nay, do đó yêu cầu ly hôn của bà Trương H là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận, mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hạnh.

Xét,—căn cứ vào Kết quả xác minh của Công an phường T, Quận 7 thể hiện ông M từ tháng 03/2020 đến nay không còn cư trú tại địa phương, không rõ nơi cư trú mới, hiện nay 02 con chung là trẻ K và A đang ở với bà Trương H, nên với yêu cầu của bà Trương H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với nguyện vọng của trẻ Hoàng K, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương H.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không ~~có yêu cầu tòa án giải quyết~~, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, ~~nên Hội đồng xét xử không xem xét.~~

Formatted: English (United States)

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trương H khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn bà Trương H và bị đơn ông Nguyễn M

[2]. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trương H.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương H được ly hôn với ông Nguyễn M (giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện CG, Thành phố HCM cấp ngày 28/12/2010, không còn giá trị pháp lý).

[2.2]. Về con chung: Có 02 (hai) con chung, họ tên Nguyễn K (nam) sinh ngày 15/9/2005 và Nguyễn A (nam) sinh ngày 07/5/2016.

Giao 02 (hai) con chung cho bà Trương H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương H về việc không yêu cầu ông Nguyễn M cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn M được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

[2.3]. Về tài sản chung: Không ~~có~~yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số

Formatted: Font: 8 pt

Formatted: Font: 8 pt

Formatted: Font: Bold

AA/2018/0032216 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố HCM. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;

TÒA

- VKSND Q.~~uận~~-7, ~~Tp.~~HCM;

- C/c THADS ~~Quận~~ 7, ~~Tp.~~HCM;~~Q.7~~

- Các đương sự;

- Lưu (TK.Trang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
-THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trương Như Thủy